

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày 25-02-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thân Thị Lụa.

2. Ông Lương Ngọc Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD ,
tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông Vũ
Hong Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD ,
tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:
71/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày
10/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐ-ST ngày 25/01/2022 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn NB , huyện YD , tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn NB , huyện YD , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm
Thị Thu H trình bày:*** Do có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Văn T nên ngày
04/4/2020 chị có cho anh T vay số tiền là 200.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy
biên nhận vay tiền và anh T đã nhận đủ số tiền vay này, cụ thể tại biên nhận vay
tiền ngày 04/4/2020. Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 04/4/2020 anh T có ký vào

phần người vay và thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay thì anh T sẽ trả chỉ số tiền vay trên; hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Khi vay tiền thì anh T có thể chấp cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00992 cấp ngày 07/10/2013 mang tên Nguyễn Văn T và Đặng Thị L (vợ anh T). Khi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì chỉ ghi vào giấy biên nhận vay tiền và đưa tay cho chị thôi chứ không lập hợp đồng thế chấp gì cả.

Đến thời hạn trả nợ (tức ngày 04/5/2020) anh T vẫn không trả chỉ tiền. Đến khoảng 1 tháng sau kể từ ngày hết hạn trả(tức ngày 04/5/2020) thì chị có đến đòi anh T tiền nhưng anh T vẫn không trả chỉ, lý do là anh cũng chỉ vay cho người khác, hiện họ chưa có để trả anh nên anh cũng không có để trả chỉ. Sau lần đó chị lại tiếp tục đòi rất nhiều lần nhưng Tài vẫn cứ khát nợ. Sau này thì anh T có trả được cho chị 40.000.000 đồng tiền lãi (tiền này là tiền lãi thỏa thuận bên ngoài). Đối với số tiền lãi đã trả này, anh T không có yêu cầu gì trong vụ án này chị cũng nhất trí.

Nay, chị yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả chỉ số tiền đã vay ngày 04/04/2020 số tiền gốc là 200.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền 200.000.000 đồng trên chị yêu cầu anh T phải trả ngay một lần cho chị.

Trong biên nhận vay tiền có ghi chồng (Nguyễn Văn T) và vợ (Đặng Thị L) có nhận vay tiền của chị Phạm Thị Thu H nhưng phần người vay chỉ có anh T ký tên. Đây là khoản vay cá nhân của anh T , không liên quan gì đến vợ anh T , một mình anh T ký vay, khi vay vợ anh T không có nhà, không biết việc vay này. Vì vậy , chị đề nghị Tòa án không đưa vợ anh T vào người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về số tiền 200.000.000 đồng anh T vay của chị, tiền này là của cá nhân chị, không liên quan gì đến chồng chị là anh Hoàng Xuân Th. Chị đề nghị Tòa án không đưa anh Hoàng Xuân Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T thế chấp khi vay tiền , chị không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

** Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:* Do anh có quen biết chị H nên ngày 04/4/2020 anh có vay của chị H số tiền là 200.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy biên nhận vay tiền như chị H cung cấp cho Tòa án là

đúng và anh đã nhận đủ số tiền vay. Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 04/4/2020 anh có ký vào phần người vay. Thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay thì anh sẽ trả chị H tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Khi vay, anh có thể chấp cho chị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00992 cấp ngày 07/10/2013 mang tên Nguyễn Văn T và Đặng Thị L (vợ anh). Khi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì chỉ ghi vào giấy biên nhận vay tiền và đưa tay cho chị H thôi chứ không lập hợp đồng thế chấp gì cả.

Kể từ khi vay anh đã trả cho chị H 40.000.000 đồng tiền lãi rồi. Khi trả anh trực tiếp chuyển khoản cho chị H. Tuy nhiên anh không có yêu cầu gì về số tiền lãi 40.000.000 đồng đã trả trong vụ án này.

Nay, chị H khởi kiện yêu cầu anh phải trả chị H số tiền đã vay ngày 04/04/2020 số tiền gốc là 200.000.000 đồng thì anh đồng ý trả chị Hằng, chị không yêu cầu trả lãi thì anh cũng nhất trí. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn lại đang dịch bệnh Covid, anh không có khả năng trả ngay tiền cho chị H được nên anh đề nghị chị H cho tôi được trả dần, cụ thể anh sẽ trả cho chị H số tiền là 10.000.000 đồng/ tháng, thời hạn trả kể từ tháng 3/2022 đến khi nào trả xong số tiền trên.

Trong biên nhận vay tiền có ghi chồng (Nguyễn Văn T) và vợ (Đặng Thị L) có nhận vay tiền của chị Phạm Thị Thu H nhưng phần người vay chỉ có anh ký tên. Về việc vay nợ ngày 04/4/2020 này là khoản vay cá nhân của anh, không liên quan gì đến vợ anh, một mình anh ký vay, khi vay vợ anh không có nhà, không biết việc vay này. Anh cũng không dùng tiền vay này vào việc chung của gia đình. Vì vậy , anh đề nghị Tòa án không đưa vợ anh vào người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh thế chấp cho Hằng thì anh cũng không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Do anh đi làm ăn xa nên anh không về tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 25/01/2022 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án . Tuy nhiên bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt, anh T có đơn xin hoãn phiên tòa;đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đề nghị hoãn phiên tòa nên hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn chị H trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả chị số tiền đã vay ngày 04/04/2020 số tiền gốc là 200.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền 200.000.000 đồng trên chị yêu cầu anh T phải trả ngay một lần cho chị, chị không nhất trí để anh T trả chị 10.000.000 đồng/ tháng đến khi hết số nợ trên.

Hội đồng xét xử công khai biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt của anh T .Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hộiXử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Phạm Thị Thu H: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho chị Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Phạm Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5000.000 đồng.

- Kiến nghị, khắc phục: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt anh T .

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn chị H và bị đơn anh T là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thị trấn NB , huyện YD , tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện YD , tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ngày 04/04/2020 chị Phạm Thị Thu H có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 200.000.000 đồng. Anh T chưa trả được đồng tiền gốc nào cho chị H. Ngày 22/11/2021 chị H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy:

Ngày 04/04/2021 Chị Phạm Thị Thu H cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 200.000.000 đồng tại theo giấy biên nhận vay tiền ngày 04/4/2020. Thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay thì anh T sẽ trả chị H tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Chị H đã đòi rất nhiều lần nhưng anh T chưa trả được đồng nào tiền gốc. Nay chị H yêu cầu anh T trả ngay một lần cho chị số tiền 200.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu anh T trả tiền lãi.

Phía bị đơn là anh T thừa nhận có vay của chị Phạm Thị Thu H số tiền 200.000.000 đồng như biên nhận vay tiền mà chị H xuất trình cho Tòa án là đúng. Nay, chị H khởi kiện yêu cầu anh trả cho chị H 200.000.000 đồng tiền gốc thì anh nhất trí trả cho chị H 200.000.000 đồng tiền gốc; tiền lãi chị H không yêu cầu thì anh cũng nhất trí.

Do điều kiện kinh tế khó khăn anh xin được trả dần số tiền trên, cụ thể trả 10.000.000 đồng/ tháng vì hiện tại anh không có điều kiện để trả chị H ngay một lần.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hằng đối với anh T. Buộc anh T phải trả cho chị H số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về thời hạn trả thì chị H không nhất trí với anh T nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về lãi suất: Chị H không yêu cầu anh T phải trả lãi suất, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của chị Hằng được chấp nhận, nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng cho chị Hằng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Phạm Thị Thu H: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho chị Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Phạm Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5000.000 đồng theo biên lai thu số 0009333 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện YD ;
- VKSND huyện YD ;
- Chi cục THADS huyện YD ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh